

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671009 - Toán cao cấp

STC : 5(75,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Khổng Minh	Quân	3572021043	26/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
2	Lê Thị	Yến	3671010184	15/12/1993	,00	,00	,00	Nợ HP,
3	Tào Kiến	Thành	3671010395	30/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
4	Quách Đại	Phước	3671010431	25/04/1994	,00	,00	,00	Nợ HP,
5	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	3771010001	23/06/1994	2,50	4,30	3,80	
6	Nguyễn Ngọc Phương	Trúc	3771010102	24/06/1995	2,50	3,80	3,40	
7	Hoàng Văn	Hưng	3771010112	09/05/1995	,00	,00	,00	CT
8	Trần Hoàng	Khoa	3771010246	12/12/1994	3,50	3,50	3,50	
9	Võ Thanh	Duy	3771010357	24/03/1995	3,50	3,30	3,40	
10	Đoàn Thị Bích	Diên	3771010383	02/01/1995	2,00	8,00	6,20	
11	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	3771010438	27/10/1995	4,00	3,80	3,90	
12	Đỗ Thị Ly	Ly	3771010450	18/04/1995	3,00	8,50	6,90	
13	Quan Quỳnh	Quyên	3771010490	07/10/1995	,00	,00	,00	CT
14	Huỳnh Thị Bảo	Quyên	3771010514	18/03/1995	5,00	2,50	3,30	
15	Huỳnh Cao	Trí	3771010524	27/12/1995	,00	,00	,00	CT
16	Hồ Nguyễn Trúc	Linh	3771010525	18/11/1995	2,50	9,00	7,10	
17	Đào Thị Kim	Thuý	3771011091	12/09/1995	3,50	3,30	3,40	
18	Nguyễn Trần Hải	Yến	3771011098	18/09/1995	,00	,00	,00	CT
19	Trần Thị Như	Thế	3771011131	20/07/1995	5,50	4,00	4,50	
20	Võ Tấn	Trọng	3771011135	09/09/1995	2,50	6,00	5,00	
21	Nguyễn Chí	Lai	3771011247	14/06/1995	3,50	9,00	7,40	
22	Hứa Thị Tuyết	Sương	3771011267	24/06/1995	3,50	9,00	7,40	
23	Nguyễn Minh	Khang	3771011275	13/11/1995	5,00	6,50	6,10	
24	Phạm Phú	Chiến	3771011353	17/01/1991	2,50	,50	1,10	
25	Trần Thanh	Tuyết	3771011370	01/01/1994	3,00	4,00	3,70	
26	Nguyễn Thị	Huế	3771011406	16/12/1995	4,50	5,80	5,40	
27	Nguyễn Nhật	Duy	3771011429	16/01/1995	4,50	9,00	7,70	
28	Trần Hồng	An	3771011435	27/06/1995	5,50	3,30	4,00	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)